



Doanh nghiệp: HOA SEN GROUP

Mã chứng khoán: HSG

Địa chỉ: Số 9 Đại Lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần II - Bình Dương

Mã số thuế: 3 7 0 0 3 8 1 3 2 4

Tel: 0283.9990111

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ II NIÊN ĐỘ 2022 - 2023**

**Từ 01-01-2023 đến 31-03-2023**  
**(Báo cáo hợp nhất)**

Bảng cân đối kế toán	: Mẫu số B01 - DN
Kết quả hoạt động kinh doanh	: Mẫu số B02 - DN
Lưu chuyển tiền tệ	: Mẫu số B03 - DN
Thuyết minh báo cáo tài chính	: Mẫu số B09 - DN

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Bảng cân đối kế toán**

**Quý II Niên độ 2022 - 2023**

**Từ 01-01-2023 đến 31-03-2023**

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Dvt: VNĐ

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31/03/2023)	Số đầu kỳ (01/10/2022)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.374.601.160.740</b>	<b>9.834.993.231.398</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>325.497.600.346</b>	<b>330.134.957.719</b>
1	Tiền	111		309.847.600.346	312.367.302.226
2	Các khoản tương đương tiền	112		15.650.000.000	17.767.655.493
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>25.586.622.659</b>	<b>8.698.661.821</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	12(a)	25.586.622.659	8.698.661.821
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.171.821.838.507</b>	<b>1.452.105.119.089</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.577.111.016.586	1.185.661.917.716
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	440.111.741.762	117.395.280.068
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6	Các khoản phải thu khác	136	7(a)	165.827.833.014	162.755.089.894
7	DP các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(11.228.752.855)	(13.707.168.589)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>7.006.992.115.791</b>	<b>7.395.309.339.966</b>
1	Hàng tồn kho	141		7.192.839.925.546	8.110.988.499.714
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(185.847.809.755)	(715.679.159.748)
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>844.702.983.437</b>	<b>648.745.152.803</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	149.473.451.046	139.831.025.949
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		555.349.082.477	372.839.784.442
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(b)	139.880.449.914	136.074.342.412
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.630.311.069.737</b>	<b>7.190.417.956.533</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>153.404.291.600</b>	<b>171.495.291.600</b>
1	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
2	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
3	Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	153.404.291.600	171.495.291.600
4	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.473.505.825.124</b>	<b>5.958.828.374.791</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.268.409.652.575	5.754.616.934.906
	- Nguyên giá	222		14.146.378.763.145	14.086.733.048.716
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.877.969.110.570)	(8.332.116.113.810)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	10	205.096.172.549	204.211.439.885
	- Nguyên giá	228		302.333.873.079	293.960.791.261
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(97.237.700.530)	(89.749.351.376)

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen****Báo cáo tài chính hợp nhất****Bảng cân đối kế toán**

Quý II Niên độ 2022 - 2023

Từ 01-01-2023 đến 31-03-2023

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

						Đvt: VND	
STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31/03/2023)	Số đầu kỳ (01/10/2022)		
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-		
	- Nguyên giá	231		-	-		
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		596.731.085.552	603.535.433.172		
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-		
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	596.731.085.552	603.535.433.172		
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	17.000.000.000		
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-		
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12(b)	-	-		
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-		
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		-	-		
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	12(a)	1.000.000.000	17.000.000.000		
VI	Tài sản dài hạn khác	260		405.669.867.461	439.558.856.970		
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	302.200.405.681	295.431.936.752		
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	103.469.461.780	144.126.920.218		
3	Lợi thế thương mại	269		-	-		
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>270</b>		<b>17.004.912.230.477</b>	<b>17.025.411.187.931</b>		

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Bảng cân đối kế toán**

**Quý II Niên độ 2022 - 2023**

**Từ 01-01-2023 đến 31-03-2023**

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-

BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31/03/2023)	Số đầu kỳ (01/10/2022)
<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.612.058.508.284</b>	<b>6.141.841.220.117</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.594.550.440.500</b>	<b>6.009.187.395.647</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.178.783.952.727	1.039.714.645.178
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	223.614.412.553	192.124.686.232
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(a)	131.126.238.302	81.565.802.418
4	Phải trả người lao động	314		59.956.656.418	86.424.884.228
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	156.328.715.006	297.172.261.839
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	68.912.770.826	34.991.769.952
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21(a)	3.577.665.937.842	4.070.493.519.978
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		198.161.756.826	206.699.825.822
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.508.067.784</b>	<b>132.653.824.470</b>
1	Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21(b)	-	116.525.575.061
3	Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	16.798.567.784	15.418.749.409
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10.392.853.722.193</b>	<b>10.883.569.967.814</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>10.392.853.722.193</b>	<b>10.883.569.967.814</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	5.980.549.860.000	5.980.549.860.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.980.549.860.000	5.980.549.860.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		157.292.539.068	157.292.539.068
3	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.291.788.900	187.499.009.876
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.088.652.373.535	4.542.183.640.565
	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.518.306.214.202	4.290.842.310.436
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(429.653.840.667)	251.341.330.129
6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		16.067.160.690	16.044.918.305
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (400 = 300+400)</b>		<b>440</b>		<b>17.004.912.230.477</b>	<b>17.025.411.187.931</b>

Ngày 28 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

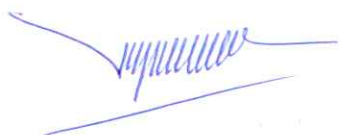
Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phó chủ tịch HĐQT

Thường trực- Điều hành

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Tuyền



Nguyễn Thị Ngọc Lan



Trần Ngọc Chu

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**  
 Quý II Niên độ 2022 - 2023

Từ 01-01-2023 đến 31-03-2023

Mẫu số B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-  
 BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đvt: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này 01/01/2023 - 31/03/2023	Kỳ trước 01/01/2022 - 31/03/2022	Lũy kế kỳ này 01/10/2022 - 31/03/2023	Lũy kế kỳ trước 01/10/2021 - 31/03/2022
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	7.081.785.888.227	12.702.172.579.145	15.023.787.773.745	29.703.689.255.011
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	100.919.254.794	41.100.698.755	125.492.521.516	109.407.030.612
3.	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	6.980.866.633.433	12.661.071.880.390	14.898.295.252.229	29.594.282.224.399
4.	Giá vốn hàng bán	11	26	6.077.142.168.575	11.231.063.020.706	13.834.603.579.985	26.041.753.716.713
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		903.724.464.858	1.430.008.859.684	1.063.691.672.244	3.552.528.507.686
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	73.138.746.651	78.328.203.518	105.187.948.666	125.277.845.765
7.	Chi phí tài chính	22	28	74.663.384.451	128.015.151.497	188.260.533.094	190.915.130.323
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.069.959.356	52.046.334.384	104.934.036.334	127.478.392.030
8.	Chi phí bán hàng	25	29	535.694.503.601	926.923.900.276	1.204.161.771.696	2.153.804.057.868
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	99.872.822.452	169.043.052.543	199.358.128.050	303.086.766.250
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25-26)	30		266.632.501.005	284.354.958.886	(422.900.811.930)	1.030.000.399.010
11.	Thu nhập khác	31	31	35.325.093.649	8.198.213.063	58.215.549.075	16.284.870.476
12.	Chi phí khác	32	32	4.419.957.899	1.539.354.019	5.140.127.962	2.453.998.117
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		30.905.135.750	6.658.859.044	53.075.421.113	13.830.872.359
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		297.537.636.755	291.013.817.930	(369.825.390.817)	1.043.831.271.369
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	11.467.780.065	44.437.569.319	19.148.749.027	179.906.293.195
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	35.467.954.328	12.501.668.146	40.657.458.438	(9.094.498.215)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		250.601.902.362	234.074.580.465	(429.631.598.282)	873.019.476.389
18.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		250.587.028.021	234.077.881.487	(429.655.840.667)	873.026.140.038
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		14.874.341	(3.301.022)	22.242.385	(6.663.649)

Người lập biểu  
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Trần Ngọc Chu

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

**Quý II Niên độ 2022 - 2023**

**Từ 01-01-2023 đến 31-03-2023**

Mẫu số B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

*Dvt: VND*

Chỉ tiêu	MS	TM	Lũy kế kỳ này 01/10/2022 - 31/03/2023	Lũy kế kỳ trước 01/10/2021 - 31/03/2022
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(369.825.390.817)	1.043.831.271.369
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		578.920.337.697	581.033.394.433
Các khoản dự phòng	03		(530.929.947.352)	(47.416.792.737)
Lãi, lỗ CLTG hồi đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(53.841.711.999)	2.270.065.379
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.472.618.796)	(8.217.773.187)
Chi phí lãi vay	06		104.934.036.334	127.478.392.030
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		(279.215.294.933)	1.698.978.557.287
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(876.379.417.424)	3.222.328.662.197
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		907.803.404.500	770.149.814.591
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.087.278.922.586	(5.399.725.273.359)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		20.524.190.129	(16.031.090.611)
			<b>860.011.804.858</b>	<b>275.700.670.105</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(105.697.383.919)	(133.244.384.672)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.180.323.541)	(302.615.781.690)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(69.622.716.335)	(40.962.684.410)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>665.511.381.063</b>	<b>(201.122.180.667)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(130.124.488.568)	(201.348.979.290)
Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		13.002.784.746	3.819.595.312
Tiền chi cho vay	23		(16.887.960.838)	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi từ khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		16.000.000.000	19.325.858.838
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu từ chuyển nhượng công ty con	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.865.798.053	7.289.952.791
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(116.143.866.607)</b>	<b>(170.913.572.349)</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen****Báo cáo tài chính hợp nhất****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ***(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý II Niên độ 2022 - 2023****Từ 01-01-2023 đến 31-03-2023**

Mẫu số B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	MS	TM	Lũy kế kỳ này	Lũy kế kỳ trước
			01/10/2022 - 31/03/2023	01/10/2021 - 31/03/2022
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Thu tiền bán cổ phiếu quỹ	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		8.655.108.551.228	20.593.411.934.649
Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.264.461.708.425)	(20.385.786.344.056)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.128.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(609.353.157.197)</b>	<b>207.619.462.093</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(59.985.642.741)</b>	<b>(164.416.290.923)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>330.134.957.719</b>	<b>492.796.782.190</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		55.348.285.368	26.612.476.164
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>325.497.600.346</b>	<b>354.992.967.431</b>

Ngày 28 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu

*(Ký, họ tên)*

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Kế toán trưởng

*(Ký, họ tên)*

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Phó chủ tịch HĐQT

Thường trực- Điều hành

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Trần Ngọc Chu

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324, cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 27 tháng 03 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 9, đại lộ Thống Nhất, Khu công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

### Cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ	5.980.549.860.000 VND
Số lượng cổ phiếu	598.054.986 cổ phiếu

### (b) Hoạt động chính

Mục tiêu và phạm vi hoạt động kinh doanh Tập đoàn là :

Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác

Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm

Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác

Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại

Sản xuất tấm trần PVC

Sản xuất các loại vật liệu xây dựng

Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng

Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa

Xây dựng công nghiệp và dân dụng

Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### (d) Cấu trúc Tập Đoàn

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Tập Đoàn có 9 công ty con và 1 công ty liên kết

Danh sách công ty con:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		31/12/2022	01/10/2021
<b>Công ty con</b>			
* Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
* Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp kim loại.	100%	100%
* Công ty TNHH Một thành viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
* Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.	100%	100%
* Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
* Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen (trước là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen)	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa.	99,95%	100%
* Công ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Bình Định	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
* Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu trung tâm thương mại.	95,962%	95%
* Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
* Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.	49%	49%

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Tập đoàn có 7.567 nhân viên

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập Đoàn từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### (a) Cơ sở hợp nhất

##### (i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### (ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

##### (iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

##### (iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### (v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

### (b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### (c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### (d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### (e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### (f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### (g) Tài sản cố định hữu hình

#### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

* nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
* máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
* phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
* thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
* tài sản khác	3 – 8 năm

### (h) Tài sản cố định vô hình

#### (i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

#### (ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

#### (i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### (j) Chi phí trả trước dài hạn

##### (i) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### (ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

### (iii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trả trước theo hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

### (iv) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

### (k) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

### (l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### *Dự phòng trợ cấp thôi việc*

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

### (m) Vốn cổ phần

#### (i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

#### (ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### (iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

### (n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### (o) Doanh thu và thu nhập khác

#### (i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

#### (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### (iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### (iv) Thu nhập cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### (p) Thuê tài sản

#### (i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

#### (ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### (q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

### (r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

### (s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Tập đoàn hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### (t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2023	01/10/2022
	VND	VND
Tiền mặt	13.964.202.555	16.020.557.918
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	295.797.032.791	296.346.744.308
Tiền đang chuyển	86.365.000	-
Các khoản tương đương tiền	15.650.000.000	17.767.655.493
	<u>325.497.600.346</u>	<u>330.134.957.719</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

### 5. Phải thu khách hàng

	31/03/2023	01/10/2022
	VND	VND
Các bên khác	1.340.988.629.699	1.185.661.917.716
Các bên liên quan	236.122.386.887	-
	<u>1.577.111.016.586</u>	<u>1.185.661.917.716</u>

Phải thu khách hàng là bên liên quan chi tiết:

	31/03/2023	01/10/2022
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	236.062.986.887	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An	59.400.000	-
	<u>236.122.386.887</u>	<u>-</u>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

### 6. Trả trước cho người bán

	31/03/2023	01/10/2022
	VND	VND
Các bên khác	429.111.741.762	117.395.280.068
Các bên liên quan	11.000.000.000	-
	<u>440.111.741.762</u>	<u>117.395.280.068</u>

Trả trước cho người bán là bên liên quan chi tiết:

	31/03/2023	01/10/2022
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công Ty TNHH Tổ Chức Biểu Diễn Nghệ Thuật Và Hòa Nhạc Quốc Tế Hoa Sen	11.000.000.000	-
	<u>11.000.000.000</u>	<u>-</u>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### 7. Phải thu khác

#### (a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Tạm ứng để mua đất	53.832.470.000	53.832.470.000
Tạm ứng cho người lao động	27.006.889.613	32.492.267.608
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Đặt cọc thuê mặt bằng	34.095.045.800	35.229.404.246
Bồi thường giải phóng mặt bằng	20.000.000.000	20.000.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.043.375.412	745.800.950
Các khoản phải thu khác:	17.031.277.189	7.636.372.090
	<u>165.827.833.014</u>	<u>162.755.089.894</u>

#### Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan chi tiết:

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	1.100.000.000	1.448.000.000
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Hoàng Đức Huy (P.Tổng Giám đốc) - Ứng trước tiền mua đất	45.462.225.000	45.462.225.000
	<u>46.562.225.000</u>	<u>46.910.225.000</u>

Các khoản phải thu phi thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

#### (b) Phải thu dài hạn khác

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	139.404.291.600	161.495.291.600
Các khoản khác	14.000.000.000	10.000.000.000
	<u>153.404.291.600</u>	<u>171.495.291.600</u>

### 8. Hàng tồn kho

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Hàng mua đang đi trên đường	282.777.228.301	121.427.071.099
Nguyên liệu, vật liệu	2.588.627.758.656	3.048.486.580.997
Công cụ, dụng cụ	558.678.408.023	603.798.226.059
Chi phí SX, KD dở dang	653.676.909	4.834.046
Thành phẩm	2.561.742.896.332	2.788.849.194.981
Hàng hóa	1.200.359.957.325	1.548.422.592.532
	<u>7.192.839.925.546</u>	<u>8.110.988.499.714</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(185.847.809.755)	(715.679.159.748)
Giá trị thuần	<u>7.006.992.115.791</u>	<u>7.395.309.339.966</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-  
BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ (01/10/2022)	2.843.121.743.939	10.619.315.671.481	508.175.262.734	87.597.045.920	28.523.324.642	14.086.733.048.716
Mua trong kỳ	314.146.499	27.593.354.808	1.534.035.108	-	9.597.000	29.451.133.415
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	40.005.067.378	19.699.132.648	1.935.729.948	-	-	61.639.929.974
Phân loại (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn	(69.225.500)	615.941.818	-	-	-	546.716.318
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	29.786.116.938	270.000.000	-	-	30.056.116.938
Xóa sổ	760.529.422	1.175.418.918	-	-	-	1.935.948.340
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ (31/03/2023)	2.882.611.202.894	10.636.262.564.899	511.375.027.790	87.597.045.920	28.532.921.642	14.146.378.763.145
<b>Khấu hao</b>						
Số dư đầu kỳ (01/10/2022)	942.983.810.820	6.926.009.712.069	370.275.810.842	67.717.454.776	25.129.325.303	8.332.116.113.810
Khấu hao trong kỳ	86.975.585.681	451.624.700.993	26.902.920.229	4.986.892.892	941.888.748	571.431.988.543
Phân loại (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn	-	17.109.492	-	-	-	17.109.492
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	23.752.471.111	201.821.918	-	-	23.954.293.029
Xóa sổ	657.410.820	984.397.426	-	-	-	1.641.808.246
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ (31/03/2023)	1.029.301.985.681	7.352.914.654.017	396.976.909.153	72.704.347.668	26.071.214.051	8.877.969.110.570
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	1.900.137.933.119	3.693.305.959.412	137.899.451.892	19.879.591.144	3.393.999.339	5.754.616.934.906
Số dư cuối kỳ	1.853.309.217.213	3.283.347.910.882	114.398.118.637	14.892.698.252	2.461.707.591	5.268.409.652.575

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ (01/10/2022)	234.468.842.108	59.491.949.153	293.960.791.261
Tăng trong kỳ	-	8.373.081.818	8.373.081.818
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ (31/03/2023)	234.468.842.108	67.865.030.971	302.333.873.079
<b>Khấu hao</b>			
Số dư đầu kỳ (01/10/2022)	47.941.387.135	41.807.964.241	89.749.351.376
Khấu hao trong kỳ	1.720.690.752	5.767.658.402	7.488.349.154
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ (31/03/2023)	49.662.077.887	47.575.622.643	97.237.700.530
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	186.527.454.973	17.683.984.912	204.211.439.885
Số dư cuối kỳ	184.806.764.221	20.289.408.328	205.096.172.549

### 11. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Mua sắm tài sản cố định	33.661.656.213	36.415.101.440
Chi phí xây dựng, nâng cấp Hoa Sen Home	63.375.011.666	73.383.240.019
Dự án Khách sạn Yên Bái	385.761.748.177	382.406.762.021
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Hà Nam	38.794.072.000	38.794.072.000
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Phú Mỹ	11.500.000.000	11.500.000.000
Chi phí xây dựng tại Công ty con	46.797.475.719	40.921.193.200
Sửa chữa lớn TSCĐ	14.637.316.677	19.269.541.640
Các công trình khác	2.203.805.100	845.522.852
	596.731.085.552	603.535.433.172

### 12. Các khoản đầu tư tài chính

#### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	25.586.622.659	8.698.661.821
	25.586.622.659	8.698.661.821

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày cuối kỳ

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Ngân Hàng Công Thương Việt Nam (*)	-	16.000.000.000
Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam, Chi Nhánh Sài Gòn (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
	<u>1.000.000.000</u>	<u>17.000.000.000</u>

(\*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

(\*\*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

### (b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen	-	-

## 13. Chi phí trả trước

### (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Chi phí quảng cáo	15.576.591.576	7.532.677.931
Chi phí thuê nhà xưởng, MMTB	90.757.923.625	66.582.136.763
Chi phí công cụ, dụng cụ	20.160.096.747	36.899.099.334
Chi phí tư vấn	1.719.867.866	815.945.168
Chi phí bảo hiểm	3.640.148.751	7.713.933.585
Chi phí sửa chữa	5.890.400.754	6.857.793.038
Khác	11.728.421.727	13.429.440.130
	<u>149.473.451.046</u>	<u>139.831.025.949</u>

### (b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	86.657.924.556	92.167.184.244
Chi phí làm bằng hiệu	34.743.427.910	25.982.420.589
Chi phí sửa chữa	36.238.114.225	28.347.650.038
Chi phí thuê nhà xưởng, MMTB	49.015.477.705	52.877.446.322
Chi phí san lấp mặt bằng	72.406.809.021	73.245.496.479
Khác	23.138.652.264	22.811.739.080
	<u>302.200.405.681</u>	<u>295.431.936.752</u>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
Lợi nhuận chưa thực hiện	42.379.561.729	4.864.444.988
Chi phí trích trước	41.578.259.508	90.736.147.414
Các khoản dự phòng	19.511.640.543	48.526.327.816
	<u>103.469.461.780</u>	<u>144.126.920.218</u>

### 15. Phải trả người bán

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Các bên khác	2.173.584.822.334	1.031.694.555.449
Các bên liên quan	5.199.130.393	8.020.089.729
	<u>2.178.783.952.727</u>	<u>1.039.714.645.178</u>

Phải trả người bán là bên liên quan chi tiết:

<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	568.492.482	3.670.024.946
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An	4.630.637.911	4.350.064.783
	<u>5.199.130.393</u>	<u>8.020.089.729</u>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 45 ngày đối với các khoản phải trả công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

### 16. Người mua trả tiền trước

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Các bên khác	173.014.412.553	180.051.853.191
Các bên liên quan	50.600.000.000	12.072.833.041
	<u>223.614.412.553</u>	<u>192.124.686.232</u>

Người mua trả tiền trước là bên liên quan chi tiết:

<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	50.600.000.000	12.072.833.041
	<u>50.600.000.000</u>	<u>12.072.833.041</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**17. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước****(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	Đầu kỳ 01/10/2022	Số phát sinh tăng	Số đã thực nộp trong kỳ	Số đã cân trừ	Phân loại lại	Cuối kỳ 31/03/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	425.166.163	273.528.535.098	161.940.734.891	-	-	112.012.966.370
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	66.587.124.481	3.727.434.390.512	250.221.698.754	3.538.372.911.954	339.799.265	5.766.703.550
Thuế xuất, nhập khẩu	79.574.109	1.131.994.702	1.204.826.060	-	-	6.742.751
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.811.010.823	19.148.749.027	19.180.323.541	-	672.229.603	12.451.665.912
Thuế thu nhập cá nhân	2.662.455.482	14.640.993.027	20.124.753.984	199.628.687	3.134.827.268	113.893.106
Các loại thuế khác	471.360	7.256.854.992	6.482.110.370	-	(949.369)	774.266.613
	81.565.802.418	4.043.141.517.358	459.154.447.600	3.538.572.540.641	4.145.906.767	131.126.238.302

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	Đầu kỳ 01/10/2022	Số phát sinh tăng	Phân loại lại	Cuối kỳ 31/03/2023
Thuế TNDN	136.009.720.908	-	672.229.603	136.681.950.511
Thuế TNCN	63.672.135	-	3.134.827.268	3.198.499.403
Thuế khác	949.369	-	(949.369)	-
	136.074.342.412	-	3.806.107.502	139.880.449.914

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### 18. Chi phí phải trả

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Chi phí lương và thưởng	91.034.113.747	232.043.282.166
Chi phí lãi vay	3.047.754.286	3.811.101.871
Chi phí điện	10.568.634.955	14.202.019.186
Xây dựng Cơ bản	8.571.492.592	8.810.441.608
Chi phí vận chuyển	4.113.606.224	8.961.490.341
Chứng thư bảo lãnh	5.907.391.663	5.095.565.990
Chi phí hỗ trợ bán hàng	21.919.082.385	-
Chi phí khác	11.166.639.154	24.248.360.677
	<u>156.328.715.006</u>	<u>297.172.261.839</u>

### 19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	1.114.614.395	2.590.979.890
Cổ tức phải trả	3.546.546.977	3.546.546.977
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	49.262.161.886	16.095.878.082
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	3.398.397.992	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.591.049.576	12.758.365.003
	<u>68.912.770.826</u>	<u>34.991.769.952</u>

(\*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi các Ngân Hàng, với kỳ hạn trả chậm từ 90 đến 120 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Tập đoàn không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

### 20. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc.

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	16.798.567.784	15.418.749.409
	<u>16.798.567.784</u>	<u>15.418.749.409</u>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**21. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
<b>(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>		
<i>Vay từ ngân hàng</i>		
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Nam Bình Dương	1.811.844.214.371	1.489.725.213.974
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi Nhánh KCN Bình Dương	1.566.948.615.594	1.367.294.386.631
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	78.888.554.917	421.607.418.953
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh Sở Giao Dịch 2	-	-
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	72.984.552.960	-
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Nghệ An	-	90.000.000.000
Ngân Hàng Malayan Banking Berhad Chi Nhánh TP Hồ Chí Minh	-	-
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên United Overseas Bank (Việt Nam)	-	266.930.131.158
Ngân Hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	47.000.000.000	-
	3.577.665.937.842	3.635.557.150.716
<i>Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả</i>		
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi Nhánh KCN Bình Dương	-	434.936.369.262
	-	434.936.369.262
<b>Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	3.577.665.937.842	4.070.493.519.978

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### (b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/03/2023 VND	01/10/2022 VND
<i>Vay từ ngân hàng</i>		
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi Nhánh KCN Bình Dương	-	42.274.905.619
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Vũng Tàu	-	74.250.669.442
	-	116.525.575.061

### Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau

	Số tiền
Vào ngày 01 tháng 10 năm 2022	4.187.019.095.039
Tiền thu từ đi vay	8.655.108.551.228
Tiền chi trả nợ gốc vay	9.264.461.708.425
Chênh lệch tỷ giá	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2023	3.577.665.937.842

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND				VND	VND		
<b>Số dư tại ngày 01/10/2021</b>	4.934.818.960.000	157.292.539.068	-	-	90.695.201.265	5.633.071.186.571	15.915.941.950	10.831.793.828.854	
Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	251.341.330.129	(21.023.645)	251.320.306.484	
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	172.965.686.783	172.965.686.783	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	172.540.289.352	-	172.540.289.352	
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chi có tức bằng cổ phiếu	996.722.900.000	-	-	-	-	996.722.900.000	-	-	
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	49.008.000.000	-	-	-	-	-	-	49.008.000.000	
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào Công ty con	-	-	-	-	-	-	150.000.000	150.000.000	
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	76.161.878.172	-	-	76.161.878.172	
Trích thưởng hoàn thành KHSX	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư tại ngày 01/10/2022</b>	5.980.549.860.000	157.292.539.068	-	-	187.499.009.876	4.542.183.640.565	16.044.918.305	10.883.569.967.814	
Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	(429.653.840.667)	22.242.385	(429.631.598.282)	
Góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	13.823.773.157	13.823.773.157	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	10.053.653.206	-	10.053.653.206	
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chi có tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	51.030.994.133	-	-	51.030.994.133	
<b>Số dư tại ngày 31/03/2023</b>	5.980.549.860.000	157.292.539.068	-	-	150.291.788.900	4.088.652.373.535	16.067.160.690	10.392.853.722.193	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### 23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/03/2023		01/10/2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	598.054.986	5.980.549.860.000	598.054.986	5.980.549.860.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	598.054.986	5.980.549.860.000	598.054.986	5.980.549.860.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	31/03/2023		01/10/2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	598.054.986	5.980.549.860.000	493.481.896	4.934.818.960.000
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	-	-	99.672.290	996.722.900.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ			-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	-	-	4.900.800	49.008.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>598.054.986</b>	<b>5.980.549.860.000</b>	<b>598.054.986</b>	<b>5.980.549.860.000</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### 24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/03/2023		01/10/2022	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
USD	4.364.367	101.620.782.847	1.958.901	46.478.174.548
		<u>101.620.782.847</u>		<u>46.478.174.548</u>

### 25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ này	Kỳ trước
	01/01/2023 - 31/03/2023	01/01/2022 - 31/03/2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
Bán thành phẩm	3.566.658.283.190	6.259.026.970.280
Bán hàng hóa	3.511.725.730.822	6.434.409.178.968
Khác	3.401.874.215	8.736.429.897
	<u>7.081.785.888.227</u>	<u>12.702.172.579.145</u>
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	92.253.447.616	30.296.981.394
Hàng bán bị trả lại	1.959.080.168	10.029.970.532
Giảm giá hàng bán	6.706.727.010	773.746.829
	<u>100.919.254.794</u>	<u>41.100.698.755</u>
Doanh thu thuần	<u>6.980.866.633.433</u>	<u>12.661.071.880.390</u>

### 26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
	01/01/2023 - 31/03/2023	01/01/2022 - 31/03/2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
Giá vốn thành phẩm đã bán	3.016.947.168.202	5.424.161.247.922
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán	3.521.467.617.150	5.837.254.385.817
Giá vốn khác	4.898.864.429	2.228.706.360
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(466.171.481.206)	(32.581.319.393)
	<u>6.077.142.168.575</u>	<u>11.231.063.020.706</u>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### 27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này 01/01/2023 - 31/03/2023 VND	Kỳ trước 01/01/2022 - 31/03/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	534.518.364	5.471.756.175
Lãi từ hoạt động đầu tư	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.687.173.338	71.825.242.388
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	53.841.711.999	-
Doanh thu tài chính khác	75.342.950	1.031.204.955
	<u>73.138.746.651</u>	<u>78.328.203.518</u>

### 28. Chi phí tài chính

	Kỳ này 01/01/2023 - 31/03/2023 VND	Kỳ trước 01/01/2022 - 31/03/2022 VND
Lãi vay	57.069.959.356	52.046.334.384
Chênh lệch tỷ giá	17.094.389.203	73.646.881.325
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	2.270.065.379
Chi phí tài chính khác	499.035.892	51.870.409
	<u>74.663.384.451</u>	<u>128.015.151.497</u>

### 29. Chi phí bán hàng

	Kỳ này 01/01/2023 - 31/03/2023 VND	Kỳ trước 01/01/2022 - 31/03/2022 VND
Chi phí nhân viên	139.510.496.878	249.311.042.587
Chi phí xuất khẩu	138.304.875.179	406.231.677.463
Chi phí thuê	49.057.376.045	48.410.379.927
Khấu hao và phân bổ	49.799.679.775	40.068.686.030
Chi phí quảng cáo	16.663.963.516	24.750.894.353
Chi phí vận chuyển	48.859.581.287	80.270.657.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.487.372.367	21.547.554.967
Chi phí khác	73.011.158.554	56.333.007.666
	<u>535.694.503.601</u>	<u>926.923.900.276</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ này</b> <b>01/01/2023 -</b> <b>31/03/2023</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>01/01/2022 -</b> <b>31/03/2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	34.157.761.832	63.634.202.572
Khấu hao và phân bổ	14.710.616.370	15.504.784.153
Chi phí thuê	7.900.911.917	6.299.305.198
Chi phí dịch vụ chuyên môn	1.981.704.655	1.340.954.975
Chi phí tiếp khách	4.616.417.036	5.215.869.081
Chi phí công tác	2.403.399.757	1.182.160.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.092.742.742	41.894.093.556
Chi phí khác	20.009.268.143	33.971.682.137
	<b>99.872.822.452</b>	<b>169.043.052.543</b>

**31. Thu nhập khác**

	<b>Kỳ này</b> <b>01/01/2023 -</b> <b>31/03/2023</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>01/01/2022 -</b> <b>31/03/2022</b> <b>VND</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.656.405.544	463.952.100
Thu bồi thường	20.657.721.208	3.358.729.558
Bán phế liệu, CCDC và các khoản khác	11.010.966.897	4.375.531.405
	<b>35.325.093.649</b>	<b>8.198.213.063</b>

**32. Chi phí khác**

	<b>Kỳ này</b> <b>01/01/2023 -</b> <b>31/03/2023</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>01/01/2022 -</b> <b>31/03/2022</b> <b>VND</b>
Chi phí từ thiện	-	1.093.347.618
Các khoản khác	4.419.957.899	446.006.401
	<b>4.419.957.899</b>	<b>1.539.354.019</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### 33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ này 01/01/2023 - 31/03/2023 VND	Kỳ trước 01/01/2022 - 31/03/2022 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	11.467.780.065	44.437.569.319
Dự phòng thiếu những năm trước	-	-
	<hr/> 11.467.780.065	<hr/> 44.437.569.319
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	35.467.954.328	12.501.668.146
	<hr/> 46.935.734.393	<hr/> 56.939.237.465

#### (b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Cụ thể như sau:

\* Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014 – 2015) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2016 – 2019).

\* Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2016 – 2019) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2020 – 2028).

\* Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2022) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2023 – 2031).

\* Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2020) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2021 – 2024).

\* Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### (b) Thuế suất áp dụng (tiếp theo)

\* Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).

\* Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

### 34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này 01/01/2023 - 31/03/2023	Kỳ trước 01/01/2022 - 31/03/2022
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
<b>Công Ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.278.676.784.094	1.515.938.113.434
Cho thuê tài sản	1.467.769.904	871.588.086
Bán tài sản cố định	-	278.700.000
Bán khác	15.929.551	3.373.800
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	278.700.000
Chiết khấu thương mại	46.858.498.107	11.754.467.763
Hàng bán bị trả lại	1.797.122.965	405.722.429
Giảm giá hàng bán	13.172.799	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	357.437.489	13.220.219
Nhận dịch vụ vận chuyển	12.242.773.157	16.870.804.672
Thuê hoạt động	3.157.701.818	3.670.756.363
Mua tài sản cố định	18.000.000	-
<b>Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An</b>		
Cho thuê tài sản	1.467.769.904	871.588.086
Nhận dịch vụ vận chuyển	12.242.773.157	16.870.804.672
<i>Các khoản chi các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	585.000.000	585.000.000
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	3.884.046.056	5.837.005.623

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

### 35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 10 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 đã kiểm toán.

Thông tin so sánh cùng kỳ Quý II kết thúc 31 tháng 03 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Quý II Niên độ 2021-2022 và BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ 2021-2022.

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ngày 28 tháng 04 năm 2023

Phó chủ tịch HĐQT

Thường trực- Điều hành

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Ngọc Chu

